

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP. SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH

Năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

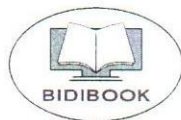
Công ty CP. Sách và Thiết bị Bình Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định theo Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định với mã số doanh nghiệp 4100259437 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh gần nhất vào ngày 11/05/2020), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty là đơn vị thành viên của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là 29/01/2010

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.264.740.000 đồng tương ứng: 1.126.474 cổ phiếu.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: Binh Dinh Book and Equipment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: BIDIBOOK
- Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ, P. Ngô Mây, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại: 0256.3522645 – 0256.3522453
- Fax: 0256.3522853
- Email : bidisabico@vnn.vn
- Website: <http://www.sachthietbibinhdinh.com.vn/>
- Logo:



BIDIBOOK



+ Ngành nghề kinh doanh chính

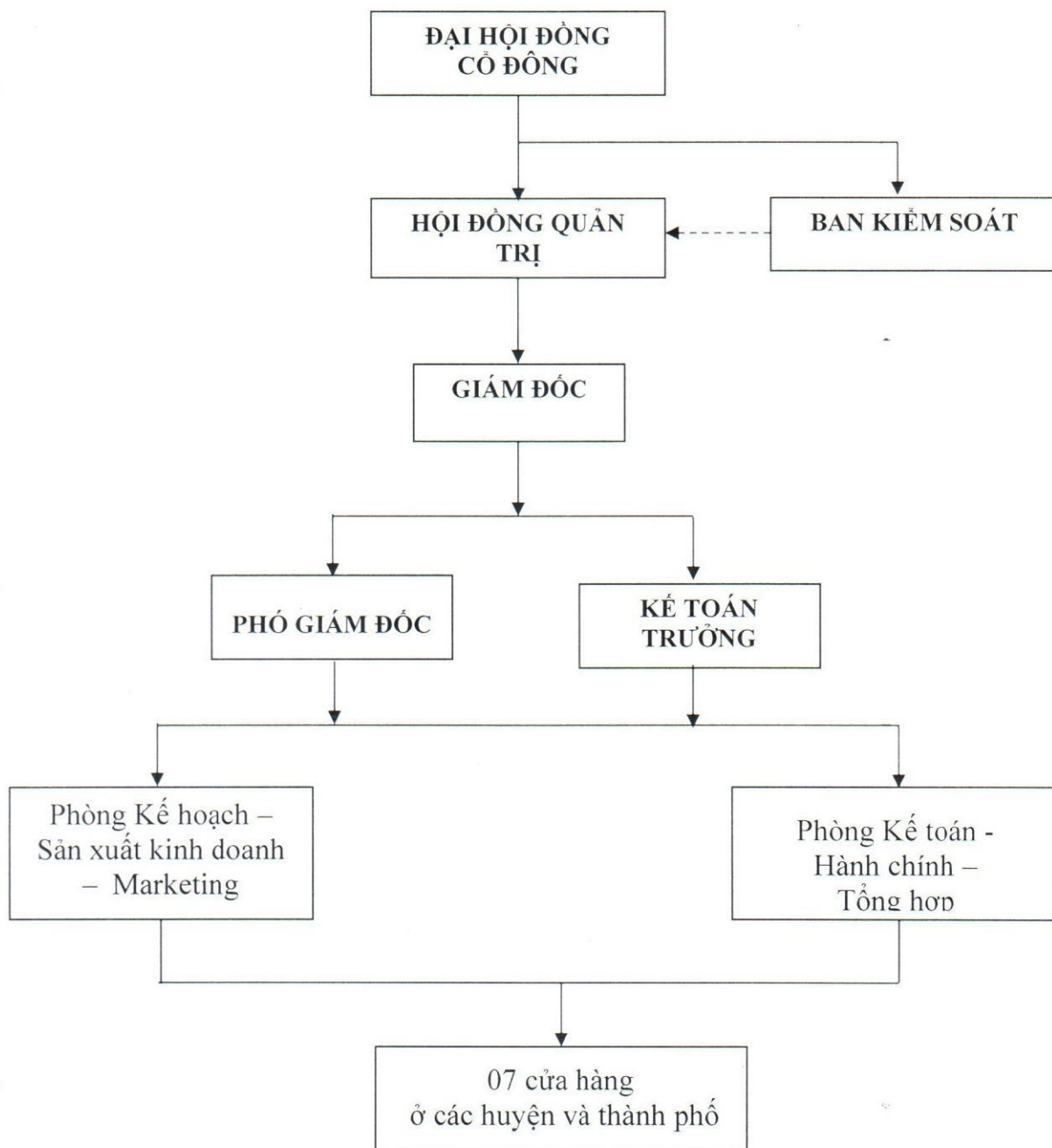
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hoá phẩm, vật phẩm văn hoá; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lập trình máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu .Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại.

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
 - Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
 - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh
- + **Trụ sở chính của Công ty:**

Trụ sở Công ty có diện tích khoảng 2.200m² tọa lạc tại thành phố Quy Nhơn – trung tâm tỉnh lỵ, Công ty có 6 cửa hàng bán sỉ – lẻ nằm tại trung tâm thành phố và phân bố đều tại trung tâm các huyện/thị xã của Tỉnh .



- Cơ cấu tổ chức của công ty :



- + Đại hội Đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- + Hội đồng quản trị : Gồm có 05 người.
- + Ban Kiểm soát : Gồm có 03 người.

+ Ban Giám đốc và Kế toán trưởng : Giám đốc và Kế toán trưởng.

+ Cơ cấu Công ty gồm :

- 02 phòng chức năng : Phòng Kế hoạch - SX KD – Marketing và phòng Kế toán – Hành chính – Tổng hợp;
- 07 cửa hàng được phân bố đều các huyện và thành phố

Định hướng phát triển

+ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :**

Công ty CP. Sách và Thiết bị Bình Định là đơn vị hậu cần của ngành giáo dục ở địa phương, lấy kinh doanh làm phương tiện để đạt mục đích là lợi nhuận. Không ngừng mở rộng và phát triển các ngành nghề, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của ngành giáo dục và của xã hội, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

+ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tăng cường và đầu tư thích đáng về mọi mặt cho hoạt động tiếp thị để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao doanh thu, thu nhập;
- Bằng nhiều biện pháp, mở rộng hệ thống bán lẻ, nhà sách;
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ **Kết quả hoạt động SXKD trong năm .**

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid - 19 đã được kiểm soát, kinh tế trong nước nói chung, tỉnh Bình Định nói riêng đã được phục hồi và phát triển, là năm thứ ba thực hiện xã hội hoá việc biên soạn, in và phát hành sách giáo khoa, năm có giá cả xăng dầu tăng đột biến, đây là nguyên nhân làm tăng giá cả các mặt hàng và dịch vụ khác.

Với đặc điểm trên, Công ty chủ động tổ chức SXKD để phục vụ tốt nhu cầu sách và thiết bị cho nhân dân trong toàn tỉnh. Sự cố gắng đó đã đạt được kết quả như sau:

125
CNC
3 P
AC
THI
INT
MH

Chỉ tiêu	TH 2021 (1.000đ)	KH 2022 (1.000đ)	TH 2022 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2021	KH 2022
1- Tổng doanh thu	66,301,231	69,500,000	75,371,528	113.7	108.45
Trong đó: D.thu về bán hàng hóa, DV	65,522,365	69,000,000	74,833,173	114.21	108.45
2- Tổng chi phí	64,311,258	67,750,000	73,621,528	114.48	108.67
Trong đó: Giá vốn hàng bán	57,837,960	61,575,600	67,348,231	116.44	109.37
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	88.27	89.24	90.00	101.96	100.85
4- Lợi nhuận trước thuế	1,989,973	1,750,000	1,750,000	87.94	100

Năm qua, Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tổng doanh thu đạt 108,45% so với kế hoạch, vượt 13,7% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 100% so với kế hoạch, giảm 12% so với cùng kỳ. Nguyên nhân:

- Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid – 19 đã được kiểm soát nên Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp để tổ chức tốt việc phát hành sách phục vụ tổng kết năm học 2021 - 2022 và nhu cầu học hè, cũng như đã tận dụng khai thác tốt một số mặt bằng. Ngoài ra, còn có nguyên nhân khách quan đó là số lớp thay sách năm 2022 tăng so với năm 2021, cộng với giá sách mới cao hơn giá sách cũ, nên làm cho doanh thu sách tăng so với cùng kỳ.

- Nhà nước điều chỉnh giá thuê đất cho kỳ tiếp theo, đã làm cho chi phí thuê đất tăng gần hai lần.

- Giá xăng dầu tăng đột biến đã làm cho giá cả các mặt hàng khác và chi phí đầu vào tăng theo.

2. Tổ chức và nhân sự

- **Ban điều hành của Công ty : gồm 2 người**

- Ông Phạm Đình Thuấn - Giám đốc Công ty

- Bà Diệp Cẩm Nhung - Kế toán trưởng

- **Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

* **Ông : Phạm Đình Thuấn** - Chức vụ: Thành viên HĐQT – Giám đốc công ty

Sinh ngày: 16 – 02 – 1964

Quốc tịch: Nhon Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 11/4 Ngô Mây, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 14.500 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

* **Bà: Diệp Cẩm Nhung** - Chức vụ : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

Sinh ngày: 24 – 07 -1968

Quốc quán: Xã Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định

Địa chỉ: 216 Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.896 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

+ Tổng số công nhân viên của Công ty hiện có đến tại thời điểm 31/12/2022 là 31 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương, thưởng trong toàn Công ty theo đúng quy định. Mức lương trả cho người lao động được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu trên địa bàn tỉnh. Mức thu nhập bình quân năm 2022 là 9.500.000d/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2022, Công ty xây dựng lại cửa hàng Sách – TBGD Tuy Phước do trước đây bị giải toả. Thực hiện ý kiến thống nhất của HĐQT tại cuộc họp ngày 31/3/2021, Công ty đã tiến hành các bước thủ tục theo quy định của đầu tư xây dựng (xin cấp phép xây dựng và đấu thầu,...) đến ngày 24/6/2022 đã ký kết hợp đồng thi công công trình có quy mô nhà tiền chế, mái tole, cột BTCT, tường gạch, nền gạch grnit theo hình thức hợp đồng trọn gói với mức giá trúng thầu là: 728.041.000d (Bảy trăm hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng). Ngày 05/9/2022 đã tiến hành nghiệm thu, nhận bàn giao và đưa công trình vào sử dụng.

94
T
H
I
H
B
N

4. Tình hình tài chính

* Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	TH 2021 (1.000đ)	TH 2022 (1.000đ)	2022/ 2021(%)
1- Tổng giá trị tài sản	24.526.074	21.350.159	87,05
2- Doanh thu thuần	65.522.365	74.833.173	114,21
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.810.240	1.505.319	83,16
4- Lợi nhuận khác	179.733	244.681	136,14
5- Lợi nhuận trước thuế	1.989.973	1.750.000	87,94
6- Lợi nhuận sau thuế	1.573.474	1.394.812	88,65
7- Tỷ lệ trả cổ tức (%)	10,00	10,00	100,00

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

+ Khả năng thanh toán :	Năm 2021	Năm 2022
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	1,96	2,37
- Hệ số T.toán nhanh [(TSNH – hàng tồn kho)/Nợ N.hạn]	0,75	0,46

* Năng lực hoạt động

- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,67	3,50
- Vòng quay hàng tồn kho		7,55

5,20

* Cơ cấu tài sản

- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,82	0,78
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,18	0,22

* Cơ cấu nguồn vốn

+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	0,43	0,34
+ Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,57	0,66
+ Khả năng sinh lời :	Năm 2021	Năm 2022
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần :	0,024	0,02
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,10
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,064	0,065
- Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	0,028	0,020

*** Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 26/02/2020	Số Cổ phần	Giá trị (1000d)	Tỷ lệ
1- Cổ đông là Nhà nước (NXBGDVN)	452.523	4.525.230	40,17
2 – Cổ đông khác	673.951	6.739.510	59,83
- Tổ chức	302.150	3.021.500	26,82
- Cá nhân	371.801	3.718.010	33,57
3- Cổ đông nội bộ	16.396	163.960	1,46
- HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	16,396	163.960	1,46
- Ban Kiểm soát			

* Tổng số cổ phiếu đến thời điểm 31/12/2022 : 1.126.474 cổ phiếu. Trong đó

- Tổng số cổ phiếu thường : 1.126.474 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : Không

* Tổng số trái phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2022 : Không (theo từng loại trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2022 là: 1.126.474 cổ phiếu.

* Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không

* Cổ tức : cổ tức công bố chia cho cổ đông là: 10%/năm, tương đương với số tiền là : 1.126.474.000đ

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2022, mặc dù đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, giá cả nhiều mặt hàng tăng cao, nhất là xăng dầu, nhưng nhờ sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng và Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm nhiều giải pháp để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

37/2022/NXB GDVN TB

Chỉ tiêu	TH 2021 (1.000đ)	KH 2022 (1.000đ)	TH 2022 (1.000đ)	So Sánh (%)	
				TH 2021	KH 2022
1- Tổng doanh thu	66,301,231	69,500,000	75,371,528	113.7	108.45
Trg đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV	65,522,365	69,000,000	74,833,173	114.21	108.45
2- Tổng chi phí	64,311,258	67,750,000	73,621,528	114.48	108.67
Trong đó: Giá vốn hàng bán	57,837,960	61,575,600	67,348,231	116.44	109.37
3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần (%)	88.27	89.24	90.00	101.96	100.85
4- Lợi nhuận trước thuế	1,989,973	1,750,000	1,750,000	87.94	100.00
5- Lợi nhuận sau thuế	1,573,474	1,360,000	1,394,812	88.65	102.56

- Năm 2022, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chủ động tìm biện pháp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Thực hiện tốt cơ chế bán hàng sách giáo khoa, sách bài tập và giá bán văn phòng phẩm linh hoạt, phù hợp với thị trường từng thời điểm, từng khách hàng, chính vì vậy doanh thu năm 2022 vượt 8,45% so với kế hoạch và 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Về lợi nhuận trước thuế: Mặc dù doanh thu tăng, nhưng do chi phí thuê đất và giá cả nhiều mặt hàng tăng cao, nhất là chi phí vận chuyển, nên lợi nhuận 2022 chỉ đảm bảo tăng 2,56% so với kế hoạch đề ra và giảm 11,35% so với năm trước.

Tình hình sử dụng vốn hợp lý hơn, đem lại hiệu quả cao hơn so với cùng kỳ.

2. Tình hình tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT NĂM 2022:

TÀI SẢN	Số cuối năm (31/12/2022)	Số đầu năm (01/01/2022)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.729.037.540	20.203.635.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	754.196.181	292.422.655
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.416.452.777	1.907.960.490
VI. Hàng tồn kho	13.456.283.652	12.441.214.874
V. Tài sản ngắn hạn khác	102.104.930	62.037.595
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	4.621.122.335	4.321.717.078
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	4.272.138.734	3.840.958.114
Trong đó:		
1- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	1.203.206.079	674.629.191

+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình	6.317.629.279	5.593.238.150
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-5.114.423.200	-4.918.608.959
2 – Giá trị còn lại TSCĐ vô hình	3.068.932.655	3.166.328.923
+ Nguyên giá TSCĐ vô hình	4.038.215.400	4.038.215.400
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-969.282.745	-871.886.477
3 – Chi phí XDCB dở dang		
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
IV. Tài sản dài hạn khác	348.983.601	480.758.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	21.350.159.875	24.525.352.692
C. NỢ PHẢI TRẢ	7.224.047.237	10.431.557.740
I. Nợ ngắn hạn	7.068.047.237	10.341.557.740
II. Nợ dài hạn	156.000.000	90.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.126.112.638	14.093.794.952
I. Vốn đầu tư chủ sở hữu	14.126.112.638	14.093.794.952
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	21.350.159.875	24.525.352.692

- Tổng tài sản cuối năm giảm so với đầu năm là 12,9%. Nguyên nhân chủ yếu là đầu tư tài chính ngắn hạn giảm (giảm 5,5 tỷ đồng). Tuy nhiên, các tiêu chí khác đều tăng (hàng tồn kho cuối năm tăng 8,2%; tiền và tương đương với tiền tăng 157,9%; tài sản cố định tăng 11,2%). Tình hình trên cho thấy - doanh nghiệp đã sử dụng dòng tiền vào SXKD (đầu tư thêm TSCĐ, thanh toán cho người cung cấp, ...). Tuy nhiên chưa làm tốt công tác quản trị hàng tồn kho. Nguyên nhân: Do dự trữ hàng trước khi tăng giá (vào tháng 01 năm 2023) và sách mới theo chương trình GDPT năm 2018 tiêu thụ chưa hết, còn tồn kho; nếu công tác tiêu thụ trong năm tới không thuận lợi sẽ là nguy cơ làm tăng chi phí lãi vay.

- Tương tự như tài sản, nguồn vốn cuối năm cũng giảm 12,9% so với đầu năm. Trong đó giảm chủ yếu là nợ phải trả (giảm 30,7% so với đầu năm). Điều này chứng minh rõ hơn việc doanh nghiệp đã sử dụng dòng tiền vào SXKD (thanh toán cho người cung cấp và người lao động kịp thời).

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

+Phương hướng chung.

- 1- Tiếp tục cung ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu về sách và thiết bị cho địa phương;
- 2- Tiếp tục thực hiện phương thức bán hàng đến các cơ sở giáo dục để tăng tỷ trọng bán lẻ, giảm tỷ trọng bán sỉ. Phấn đấu đến 31/12/2023 tồn kho ở mức khoảng 7 tỷ đồng, riêng

sách và thiết bị lớp 5, lớp 9 và lớp 12 tồn kho ở mức $\leq 0,5\%$ trên tổng số nhập; dư nợ ở mức $\leq 1,7$ tỷ đồng, riêng cửa hàng $\leq 4\%$ trên doanh thu năm.

3- Thực hiện các giải pháp để giữ vững và nâng cao thị phần;

4- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NXBGDVN và phối hợp chặt chẽ với công ty đầu mối trong việc triển khai thực hiện các biện pháp phát hành sách mới theo CTGDPT năm 2018.

5- Giữ và phát huy hơn nữa mối quan hệ chặt chẽ với các phòng GD và ĐT, Sở GD và ĐT và các trường nhằm phát hành tốt sách mới theo CTGDPT năm 2018.

6- Có giải pháp nâng cao doanh thu bộ Thực hành Toán - Tiếng Việt các lớp;

7- Tiếp tục duy trì liên kết tốt với các đối tác để khai thác triệt để lợi thế về mặt bằng Công ty; nhất là tại 219 Nguyễn Lữ TP. Quy Nhơn như: cho thuê; liên doanh, liên kết ,..., hoặc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để kinh doanh dịch vụ khác mà Nhà nước không cấm

+ Các chỉ tiêu kế hoạch 2023.

STT	Chỉ tiêu	TH 2022 (1.000d)	KH 2023 (1.000d)
01	Tổng doanh thu .	74.926.528	78.000.000
06	Lợi nhuận	1.750.000	1.750.000
07	Cổ tức (%)	10	10

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, mặc dù dịch bệnh Covid – 19 đã được kiểm soát, nhưng tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, giá xăng, dầu tăng đột biến, đã làm cho giá cả hàng hoá và dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên, HĐQT công ty đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai tốt các giải pháp để sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế mà đại hội cổ đông đã đề ra. Trong năm 2022, Công ty tiếp tục khai thác tốt các cơ sở vật chất hiện có, tiếp tục liên doanh, liên kết mở rộng kinh doanh. Sử dụng vốn hợp lý đã tạo nguồn vốn để đầu tư ngắn hạn đã góp phần làm tăng lợi nhuận.

Trong năm Ban Giám đốc Công ty cũng đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ của Công ty, không để ra sai phạm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; nộp ngân sách đầy đủ; thực hiện tốt chính sách cho người lao động; đảm bảo việc làm, nâng cao thu nhập, tạo điều kiện cho người lao động trong doanh nghiệp ổn định và đời sống; thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác phúc lợi xã hội.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Nghiên cứu tìm giải pháp thích hợp để công tác tổ chức và triển khai thị trường không bị ảnh hưởng bởi tình trạng xâm lấn và phát hành trái tuyến, vẫn nạn sách giả, sách in lậu ngày càng tinh vi và phức tạp;
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác dự báo, lập kế hoạch, bám sát thị trường và chủ động tạo nguồn cung ứng để nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu, giảm tỷ lệ hàng tồn kho;
- Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới bán lẻ thông qua các cửa hàng công ty và đến các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh;
- Tiếp tục duy trì liên doanh, liên kết với các đối tác để tận dụng lợi thế về cơ sở hiện có của công ty để nâng cao doanh thu, thu nhập;
- Có kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động và đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế cận.

V. Quản trị Công ty

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên. Trong đó có 03 thành viên là không tham gia trực tiếp điều hành. Ba thành viên này đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP. Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, 02 thành viên tham gia trực tiếp điều hành công ty.

+ Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

2022
 HỒN
 SỔ
 SÁCH
 TH
 BÌNH
 ĐỊNH

STT	Chức vụ	Cuối năm	
		Số CP	Tỷ lệ %
1	Chủ tịch	450.523	40,00
2	Thành viên	15.500	1,38
3	Thành viên	291.950	25,92
4	Thành viên	1.000	0,09
5	Thành viên	1.896	0,17

+ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

+ Hoạt động của HĐQT .

Hội đồng quản trị công ty luôn tuân thủ các quy định nội bộ và Điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Ban điều hành .

+ HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo định kỳ (mỗi quý một lần). Các cuộc họp đều diễn ra nghiêm túc, đúng quy định, đầy đủ thành phần với nội dung thiết thực. Các nội dung đưa ra bàn bạc đều được thống nhất và biểu quyết với tỷ lệ đồng thuận cao và đã trở thành nghị quyết của HĐQT. Điều này cho thấy trong HĐQT có sự thống nhất cao. Cụ thể năm 2022 HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp .

+ **Lần thứ nhất:** Họp HĐQT vào ngày 27/01/2022.

- Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và dự kiến kế hoạch, năm 2022.

- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2022 và tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023

+ **Lần thứ hai:** Họp HĐQT vào ngày 03/04/2022

- Thông qua sơ bộ về kết quả hoạt động SXKD Quý I và dự kiến kế hoạch Quý 2 năm 2022.

- Thông qua việc ủy quyền cho ông Phạm Đình Thuận - Giám đốc công ty sử dụng tài sản (CSVC) của công ty để thế chấp và thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn ngân hàng phục vụ cơ hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ **Lần thứ ba:** Họp vào ngày 04/04/2022

- Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027

+ **Lần thứ tư:** Họp HĐQT vào ngày 09/06/2022.

- Thông qua việc giao đơn giá tiền lương năm 2022 cho công ty.

- Thông qua việc chọn công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC – Đơn vị kiểm toán độc lập có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính, phù hợp với DIICD thường niên năm 2021 để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty.

+ **Lần thứ năm:** Họp HĐQT vào ngày 28/07/2022.

- Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và dự kiến kế hoạch Quý 3 năm 2022;

+ **Lần thứ sáu:** Họp HĐQT vào ngày 11/10/2022.

- Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và dự kiến kế hoạch Quý 4 năm 2022;

b- Về công tác giám sát đối với Ban Điều hành và cán bộ quản lý.

Ngoài việc tiến hành kiểm tra giám sát theo chức trách của từng thành viên HĐQT, việc phân công 02 thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành quản lý Công ty, giữ các chức vụ Giám đốc và Kế toán trưởng đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành BDH và các cán bộ quản lý. Do đó, các thành viên HĐQT đã nắm sâu sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, của HĐQT. Kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh các mặt hoạt động của BDH và cán bộ quản lý khi có biểu hiện sai lệch.

Do vậy, các mặt hoạt động của BDH và cán bộ quản lý đều đi đúng hướng, vì lợi ích chung của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, của HĐQT và đúng pháp luật, chưa có trường hợp nào sai trái, mang tính chất vụ lợi.

+ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là hai thành viên đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và một thành viên đại diện cho Công ty CP Dầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng. Ba thành viên này tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT được tổ chức và rất cố trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc.

Ngoài ra, các thành viên trên còn tích cực và thường xuyên, nắm bắt các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có đề xuất phát huy hoặc chấn chỉnh một cách kịp thời

+ Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên. Trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

+ Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.

394
GT
PHI
CH
KIẾT
BT
HO

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Cùng với đơn vị kiểm toán, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm của Công ty

- Trên cơ sở nắm chắc tình hình thực tế, hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.

- Hàng tháng, quý trực tiếp tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, tiền gửi, kho hàng hóa.

- Hàng quý, năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định và có ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

+ Thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 là: 71.520.000đ

+ Lương và thu nhập của Ban điều hành : Tổng tiền lương, thưởng và thu nhập của Ban Giám đốc nhận trong năm 2022 là : 545.923.000đ

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

+ Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không.

Số: XXX/2023/BCKT-AAC
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 27/02/2023 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1

Dà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NĂM 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.729.037.540	20.203.635.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		754.196.181	292.422.655
1. Tiền	111	5	754.196.181	292.422.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.416.452.777	1.907.960.490
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.324.620.863	1.682.580.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	22.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	170.575.795	284.118.575
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(78.743.881)	(80.738.881)
IV. Hàng tồn kho	140	9	13.456.283.652	12.441.214.874
1. Hàng tồn kho	141		13.630.359.134	12.757.615.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(174.075.482)	(316.400.309)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		102.104.930	62.037.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	26.040.763	19.432.125
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		76.064.167	42.605.470
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.621.122.335	4.321.717.078
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.272.138.734	3.840.958.114
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.203.206.079	674.629.191
- Nguyên giá	222		6.317.629.279	5.593.238.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.114.423.200)	(4.918.608.959)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	3.068.932.655	3.166.328.923
- Nguyên giá	228		4.038.215.400	4.038.215.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(969.282.745)	(871.886.477)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		348.983.601	480.758.964
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	348.983.601	480.758.964
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.350.159.875	24.525.352.692

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.224.047.237	10.431.557.740
I. Nợ ngắn hạn	310		7.134.047.237	10.341.557.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.004.666.025	4.054.388.887
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	7.305.395
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	251.730.215	237.287.614
4. Phải trả người lao động	314		260.703.576	1.954.577.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.773.506	1.465.817
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	83.818.182	40.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.a	132.304.009	203.858.329
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	4.000.000.000	3.555.543.808
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		397.051.724	287.130.676
II. Nợ dài hạn	330		90.000.000	90.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	16.b	90.000.000	90.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.126.112.638	14.093.794.952
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.126.112.638	14.093.794.952
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	948.112.707	869.439.024
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	1.913.259.931	1.959.615.928
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		518.447.197	386.142.272
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.394.812.734	1.573.473.656
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.350.159.875	24.525.352.692



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

NĂM 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	74.836.566.227	65.525.999.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.393.200	3.634.327
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		74.833.173.027	65.522.365.395
4. Giá vốn hàng bán	11	22	67.348.231.059	57.837.960.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.484.941.968	7.684.404.939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	272.913.135	570.427.120
7. Chi phí tài chính	22	24	382.566.988	279.746.680
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	382.566.988	279.746.680
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	2.813.952.760	3.300.036.416
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	3.056.016.605	2.864.808.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.505.318.750	1.810.240.313
11. Thu nhập khác	31	26	265.442.673	208.439.517
12. Chi phí khác	32	27	20.761.423	28.706.933
13. Lợi nhuận khác	40		244.681.250	179.732.584
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.750.000.000	1.989.972.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	355.187.266	416.499.241
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.394.812.734	1.573.473.656
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	966	1.187
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	966	1.187

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

NĂM 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	74.836.566.227	65.525.999.722
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.393.200	3.634.327
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		74.833.173.027	65.522.365.395
4. Giá vốn hàng bán	11	22	67.348.231.059	57.837.960.456
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.484.941.968	7.684.404.939
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	272.913.135	570.427.120
7. Chi phí tài chính	22	24	382.566.988	279.746.680
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	382.566.988	279.746.680
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	2.813.952.760	3.300.036.416
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	3.056.016.605	2.864.808.650
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.505.318.750	1.810.240.313
11. Thu nhập khác	31	26	265.442.673	208.439.517
12. Chi phí khác	32	27	20.761.423	28.706.933
13. Lợi nhuận khác	40		244.681.250	179.732.584
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.750.000.000	1.989.972.897
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	355.187.266	416.499.241
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.394.812.734	1.573.473.656
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	966	1.187
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	966	1.187

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		74.211.725.572	65.856.693.239
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(72.780.555.254)	(66.091.081.729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.818.117.000)	(3.469.269.200)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	24	(380.259.299)	(278.480.279)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(474.571.060)	(249.120.286)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.075.907.364	2.235.533.727
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.827.984.957)	(1.445.922.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.993.854.634)	(3.441.647.094)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	11	(724.391.129)	-
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.500.000.000)	(16.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	15.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,23	375.313.347	475.818.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.150.922.218	(1.024.181.040)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		48.123.850.451	56.176.931.412
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(47.679.394.259)	(52.631.387.604)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16,18	(1.139.750.250)	(840.580.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(695.294.058)	2.704.963.308
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		461.773.526	(1.760.864.826)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	292.422.655	2.053.287.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		754.196.181	292.422.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2022), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- In ấn. Chi tiết: In lụa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp trình máy vi tính. Chi tiết: Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.



Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng hàng tồn kho tại các cửa hàng sách tính theo phương pháp giá bán lẻ.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chệnh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	8 - 10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCD vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Thời gian khấu hao TSCD vô hình tại công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5



4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng thuế suất là 5%;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	273.953.963	2.995.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	480.242.218	289.426.865
Cộng	754.196.181	292.422.655

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
Mai Thị Ngọc Nga	323.492.371	146.740.001
Võ Thị Cẩm Liên	382.154.476	183.503.042
Lê Chương Thảo	467.646.466	558.458.169
Phan Hoàng Tâm	901.962.077	30.753.301
Các đối tượng khác	249.365.473	763.126.283
Cộng	2.324.620.863	1.682.580.796

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công đoàn Công ty	51.110.500	-	86.800.500	-
Lãi dự thu	-	-	156.482.192	-
Thuế TNCN phải thu NLD	119.465.295	-	40.835.883	-
Cộng	170.575.795	-	284.118.575	-

8. Dự phòng phải thu khó đòi**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	78.743.881	80.738.881
Cộng	78.743.881	80.738.881

b. Nợ xấu

	31/12/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	78.743.881	-		
- Nguyễn Thị Liễu	50.965.912	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	78.743.881	-		

	01/01/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	82.235.131	-		
- Nguyễn Thị Liễu	54.457.162	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	-	Trên 3 năm	Thu hồi chậm
Cộng	82.235.131	-		

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	161.632.521		66.121.527	-
Công cụ, dụng cụ	2.592.511	-	817.811	-
Thành phẩm	26.251.349	-	21.438.384	-
Hàng hóa	13.439.882.753	(174.075.482)	12.669.237.461	(316.400.309)
Cộng	13.630.359.134	(174.075.482)	12.757.615.183	(316.400.309)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2022 là 182.019.749 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2022.

10. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí bảo hiểm	22.293.000	19.432.125
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.747.763	-
Cộng	26.040.763	19.432.125

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	93.854.498	106.407.552
Chi phí sửa chữa văn phòng	255.129.103	374.351.412
Cộng	348.983.601	480.758.964

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	4.441.119.059	1.152.119.091	5.593.238.150
Tăng trong kỳ	724.391.129	-	724.391.129
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	5.165.510.188	1.152.119.091	6.317.629.279
Khấu hao			
Số đầu kỳ	4.312.038.718	606.570.241	4.918.608.959
Khấu hao trong kỳ	70.519.583	125.294.658	195.814.241
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	4.382.558.301	731.864.899	5.114.423.200
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	129.080.341	545.548.850	674.629.191
Số cuối kỳ	782.951.887	420.254.192	1.203.206.079

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 3.311.341.901 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2022.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.



12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Khấu hao			
Số đầu kỳ	838.553.143	33.333.334	871.886.477
Khấu hao trong kỳ	80.729.602	16.666.666	97.396.268
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	919.282.745	50.000.000	969.282.745
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3.149.662.257	16.666.666	3.166.328.923
Số cuối kỳ	3.068.932.655	-	3.068.932.655

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 2.876.914.588 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 50.000.000 đồng.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Sách Văn hóa phẩm Miền Nam	259.329.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	207.972.805	251.556.886
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	161.136.650	395.836.300
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	132.451.634	28.610.622
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	769.318.000	449.268.000
Các đối tượng khác	474.457.736	2.929.117.079
Cộng	2.004.666.025	4.054.388.887

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư	207.972.805	251.556.886
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	-	148.836.168
Cộng		207.972.805	400.393.054

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	18.267.284	340.901.205	253.194.590	-	105.973.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	219.020.330	355.187.266	474.571.060	-	99.636.536
Thuế thu nhập cá nhân	39.066.169	-	151.793.760	188.791.758	76.064.167	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.539.301	-	589.655.057	539.995.976	-	46.119.780
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Cộng	42.605.470	237.287.614	1.449.537.288	1.468.553.384	76.064.167	251.730.215

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	83.818.182	40.000.000
Cộng	83.818.182	40.000.000

16. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	8.751.528	7.916.598
Nhận ký cược, ký quỹ	96.000.000	78.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.552.481	117.941.731
- Cổ tức phải trả	8.144.250	21.420.500
- Phải trả khác	19.408.231	96.521.231
Cộng	132.304.009	203.858.329

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
Cộng	90.000.000	90.000.000

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	3.555.543.808	48.123.850.451	47.679.394.259	4.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Bình Định</i>	<i>3.555.543.808</i>	<i>48.123.850.451</i>	<i>47.679.394.259</i>	<i>4.000.000.000</i>
Cộng	3.555.543.808	48.123.850.451	47.679.394.259	4.000.000.000

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	11.264.740.000	801.184.688	1.504.015.115	13.569.939.803
Tăng trong kỳ	-	68.254.336	1.573.473.656	1.641.727.992
Giảm trong kỳ	-	-	1.117.872.843	1.117.872.843
Số dư tại 31/12/2021	11.264.740.000	869.439.024	1.959.615.928	14.093.794.952
Số dư tại 01/01/2022	11.264.740.000	869.439.024	1.959.615.928	14.093.794.952
Tăng trong kỳ	-	78.673.683	1.394.812.734	1.473.486.417
Giảm trong kỳ	-	-	1.441.168.731	1.441.168.731
Số dư tại 31/12/2022	11.264.740.000	948.112.707	1.913.259.931	14.126.112.638

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
Cộng	11.264.740.000	11.264.740.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.264.740.000	11.264.740.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.264.740.000	11.264.740.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.126.474.000	844.855.500

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.959.615.928	1.504.015.115
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.394.812.734	1.573.473.656
Phân phối lợi nhuận	1.441.168.731	1.117.872.843
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.441.168.731	1.117.872.843
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	1.126.474.000	844.855.500
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	78.673.683	68.254.336
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	236.021.048	204.763.007
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.913.259.931	1.959.615.928

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 04/04/2022.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 04/04/2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương ứng 1.126.474.000 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2022.

19. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước là giá trị còn lại của các tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng; trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

259
NG
PH
CH
HIẾT
H D
ION T

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán sách	55.863.427.986	46.813.599.146
Doanh thu thiết bị giáo dục	17.406.596.199	17.585.667.621
Doanh thu khác	1.566.542.042	1.126.732.955
Cộng	74.836.566.227	65.525.999.722

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	3.393.200	3.634.327
Cộng	3.393.200	3.634.327

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán sách	51.493.143.879	42.620.404.192
Giá vốn thiết bị giáo dục	15.623.428.485	14.861.982.471
Giá vốn khác	373.983.522	286.345.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(142.324.827)	69.228.267
Cộng	67.348.231.059	57.837.960.456

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	218.831.155	522.667.824
Chiết khấu thanh toán	54.081.980	47.759.296
Cộng	272.913.135	570.427.120

24. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	382.566.988	279.746.680
Cộng	382.566.988	279.746.680

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân công	2.110.545.074	2.733.503.881
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	127.502.950	202.694.833
Các khoản khác	575.904.736	363.837.702
Cộng	2.813.952.760	3.300.036.416

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân công	1.289.986.096	1.532.874.324
Chi phí thuê đất	481.886.431	174.403.804
Các khoản khác	1.284.144.078	1.157.530.522
Cộng	3.056.016.605	2.864.808.650

26. Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
Thu tiền điện, nước	29.737.101	30.263.254
Tiền hỗ trợ tuyên truyền, quảng cáo	201.500.000	175.500.000
Các khoản thu nhập khác	34.205.572	2.676.263
Cộng	265.442.673	208.439.517

27. Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	18.500.000
Chi phí khác	2.261.423	10.206.933
Cộng	20.761.423	28.706.933

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.750.000.000	1.989.972.897
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	25.936.327	92.523.308
- Điều chỉnh tăng	25.936.327	92.523.308
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	18.500.000
+ Các khoản chi phí không được trừ	7.436.327	74.023.308
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.775.936.327	2.082.496.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	355.187.266	416.499.241

437-C
TY
AN
VA
BI
INH
BINH

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.394.812.734	1.573.473.656
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(306.858.801)	(236.021.048)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	306.858.801	236.021.048
L.N hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.087.953.933	1.337.452.608
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	966	1.187

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.281.888	78.815.747
Chi phí nhân công	3.406.676.170	4.269.138.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.210.509	324.325.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.016.389	238.213.234
Chi phí khác bằng tiền	1.658.041.601	1.512.340.398
Cộng	6.209.226.557	6.422.832.628

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.004.666.025	-	2.004.666.025
Chi phí phải trả	3.773.506	-	3.773.506
Vay và nợ thuê tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải trả khác	123.552.481	90.000.000	213.552.481
Cộng	6.131.992.012	90.000.000	6.221.992.012
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.054.388.887	-	4.054.388.887
Chi phí phải trả	1.465.817	-	1.465.817
Vay và nợ thuê tài chính	3.555.543.808	-	3.555.543.808
Phải trả khác	195.941.731	90.000.000	285.941.731
Cộng	7.807.340.243	90.000.000	7.897.340.243

Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:



31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	754.196.181	-	754.196.181
Đầu tư tài chính	-	-	-
Phải thu khách hàng	2.245.876.982	-	2.245.876.982
Phải thu khác	119.465.295	-	119.465.295
Cộng	3.119.538.458	-	3.119.538.458
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.422.655	-	292.422.655
Đầu tư tài chính	5.500.000.000	-	5.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.601.841.915	-	1.601.841.915
Phải thu khác	197.318.075	-	197.318.075
Cộng	7.591.582.645	-	7.591.582.645

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư	Mua hàng
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	Mua hàng

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Công ty liên quan	Giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	11.866.552.662	12.453.481.406
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	29.684.772.080	29.326.606.304

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022	Năm 2021
Thù lao của Hội đồng quản trị		-	56.094.118
Ông Hồ Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	-	14.023.529
Ông Phạm Đình Thuần	Thành viên	-	12.621.176
Bà Diệp Cẩm Nhung	Thành viên	-	9.816.471
Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Duy Nhâm	Thành viên	-	9.816.471
Ông Bùi Đức Minh	Thành viên	-	9.816.471
Thu nhập của Ban kiểm soát		-	15.425.883
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hoa	Trưởng ban	-	7.011.765
Ông Đặng Công Đức	Thành viên	-	4.207.059
Ông Trần Hoàng Nam	Thành viên	-	4.207.059
Lương và thưởng của Ban			
Ông Phạm Đình Thuần	Giám đốc	545.923.000	388.956.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2022 (tỷ lệ 10%) vào ngày 01/03/2023, dự kiến chi trả vào ngày 14/04/2023. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

**GIÁM ĐỐC**

Phạm Đình Thuần